+ Thuan 10

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20 /2015/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 12 tháng 8 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/03/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 164/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 798/TTr-STNMT ngày 31 tháng 7 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Đối tượng nộp phí

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định để giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng miễn nộp phí

a) Các hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

b) Các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

3. Mức thu phí

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân

- Diện tích dưới 300 m^2: 100.000 đồng/hồ sơ;

- Diện tích từ 300 m^2 đến dưới 01 ha: 500.000 đồng /hồ sơ;

- Diện tích từ 01 ha đến dưới 05 ha: 1.000.000 đồng/ hồ sơ;

- Diện tích từ 05 ha trở lên: 2.000.000 đồng/hồ sơ.

b) Đối với tổ chức

- Diện tích dưới 01 ha: 1.000.000 đồng/hồ sơ;

- Diện tích từ 01 ha đến dưới 10 ha: 2.000.000 đồng /hồ sơ;

- Diện tích từ 10 ha đến dưới 50 ha: 3.000.000 đồng/ hồ sơ;

- Diện tích từ 50 ha trở lên: 5.000.000 đồng/hồ sơ.

4. Đơn vị, tổ chức thu phí

a) Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí thẩm định giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường thu phí thẩm định giao đất, cho thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

5. Mức trích phí để lại cho đơn vị, tổ chức thu phí

Mức phí được trích để lại cho cơ quan thu phí là 50%.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm căn cứ Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện, theo dõi việc thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, kịp thời báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 55/2007/QĐ-UBND ngày 21/8/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành mức thu, mức trích, cơ quan thu và đối tượng miễn giảm phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Chánh